TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2023/HC-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2023
"V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HC ngày 17 tháng 5 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đinh Công T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tham gia bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Phạm Công M. Địa chỉ: Số 39 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

* **Người bị kiện:** Chi cục thuế thành phố B .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt Th, C/v: Chi cục phó chi cục thuế T. Địa chỉ: Số 90 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

* N**gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố B. Địa chỉ: Số 01 L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh V, sinh năm 1980, C/v: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường. Địa chỉ: Số 01 L, thành phố B, tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Địa chỉ: Số 358 Tôn Đức Thắng, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Ch, C/v: nhân viên. Địa chỉ: Số 358 T, thành phố B, tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Đinh Công H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tham gia bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ: Số 39 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày như sau:**

Năm 2014 ông Đinh Công T (ông T) cùng với anh trai ông Đinh Công H (ông H) nhận thừa kế thửa đất số 329, tờ bản đồ số 7, diện tích 140m^2 địa chỉ tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột là di sản thừa kế do ông Đinh Công Th để lại.

Thực hiện dự án xây dựng đường Đông Tây thì Ủy ban nhân dân nhân (UBND) thành phố B, thu hồi toàn bộ thửa đất đồng thời bồi thường hỗ trợ với tổng số tiền 800.000.000 đồng. Sau khi thu hồi thửa đất trên thì UBND thành phố B giao cho 02 anh em ông 02 thửa đất tái định cư (có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá QSDĐ) gồm thửa số 1859 tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 và thửa số 166 tờ bản đồ số 17, diện tích 120m^2 tại thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuy nhiên, khi thực hiện kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này, thì cơ quan có thẩm quyền xác định ông T phải nộp 100% tiền sử dụng đất, mặc dù ông đã có đơn xin miễn, giảm 50% tiền sử dụng đất vì gia đình ông là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

Hiện nay, ông đã nộp được số tiền sử dụng đất đối với thửa số 1859 tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 với số tiền 907.200.000 đồng (theo thông báo số LTB2260501-TK0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022) và số tiền 28.678.860 đồng là tiền phạt do chậm nộp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn thửa số 166 tờ bản đồ số 17, diện tích 120m^2 do không có tiền nộp sử dụng đất nên chưa được cấp giấy chứng nhận (hiện nay chưa khởi kiện).

Ông T cho rằng, Chi cục thuế thành phố B và các cơ quan có liên quan xác định ông phải nộp 100% tiền sử dụng đất là không đúng vì ông người đồng bào người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo từ nhiều năm nay, diện tích đất thu hồi là thửa đất duy nhất đại gia đình ông cùng sinh sống làm ăn. Số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và tài sản trên đất thấp hơn so với số tiền sử dụng đất mà ông phải nộp. Do đó, hiện nay các anh em ông đều không có nhà ở, nghề

nghiệp, thu nhập không ổn định và hiện cả ba gia đình anh em ông phải ở nhờ UBND xã Hòa Thắng cũ.

Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xem xét, chấp nhận đơn khởi kiện hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK – 0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục thuế Tp. B, xác định lại số tiền sử dụng đất phải nộp.

Đối với nội dung theo đơn khởi kiện buộc bị đơn giảm 50% tiền sử dụng đất cho hộ gia đình là người đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng đối tượng mà gia đình ông được hưởng, tại phiên tòa người khởi kiện xin rút nội dung này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày:* Nhất trí như phần trình bày của ông T và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố B.

*** Quá trình tố tụng người bị kiện Chi cục thuế T trình bày:**

Ngày 27/9/2022, Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột nhận được phiếu chuyển thông tin địa chính số 000.00.14.H15-220920-0232/PCTTĐC kèm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Công T; thửa đất số 1859 (thửa cũ: DO-RL3-60) tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: độc lập); địa chỉ thửa đất: Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Đinh Công T có văn bản đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất do thuộc đối tượng là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất:

1. Giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất; công nhận (cấp Giấy chứng nhận) quyền sử dụng đất lần đầu đối với đất đang sử sang đất ở. dụng hoặc khi được chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở

Việc xác định hộ nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ. Căn cứ Khoản 29, Điều 3 Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 quy định:

"29. Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất."

Tại khoản 4 Điều 98 Luật đất đai số 45/2013/QH13 quy định:

"4. Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người.

Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu.

Tại Khoản 8 Điều 2 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quy định:

"8. Hộ nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ thuộc một trong các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật. Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-UBDT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc quy định:

"a) .... Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) ..."

Căn cứ các quy định nêu trên, nếu hộ gia đình ông Đinh Công T và hộ gia đình ông Đinh Công H là hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại thành phố B (là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn), nếu quyền sử dụng đất là tài sản chung của hộ gia đình ông Đinh Công T và hộ gia đình ông Đinh Công H, khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ thì hộ gia đình ông được xem xét giảm 50% tiền sử dụng đất một lần đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở.

Tuy nhiên, Quyết định số 7468/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc giao đất cho ông Đinh Công T và ông Đinh Công H, UBND TP. Buôn Ma Thuột giao lô đất trên cho ông: Đinh Công T và ông Đinh Công H nên không thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.

Căn cứ các quy định nêu trên, thông báo nộp Tiền sử dụng đất số LTB2260501- TK0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố B là đúng quy định hiện hành; nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 10/10/2022, Chi cục Thuế thành phố B đã có công văn số 5868/CCT-TBTK V/v chính sách giảm tiền sử dụng đất trả lời cho ông Đinh Công T được biết và thực hiện.

Vậy việc Chi cục Thuế thành phố B ra thông báo nộp thuế nêu trên là đúng quy định.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ý kiến của đại diện ủy ban nhân dân thành phố B trình bày.

+ Về nguồn gốc đất: Năm 2008, hộ ông Đinh Công Th được cấp giấy CNQSD đất (thửa số 329, tờ bản đồ 7 với diện tích 140m^2 đất ở nông thôn tại xã Hòa Thắng).

Ngày 17/8/2009, hộ ông Đinh Công Th được UBND thành phố B cấp lại giấy CNQSD đất số AP 868437. Đến năm 2014 hộ ông Đinh Công Th để thừa kế cho 2 con là ông Đinh Công T và ông Đinh Công H. Ngày 10/10/2014, ông Đinh Công T và ông Đinh Công H được UBND thành phố B cấp đồng sử dụng giấy CNQSD đất số BT 895143 với diện tích là 140,0 m2 đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 329, tờ bản đồ số 07. Hiện trạng ông Đinh Công T và ông Đinh Công H sử dụng với diện tích 170,6m2 (trong đó là 140,0 m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 30,6m2 chưa được cấp giấy chứng nhận)

+ Diễn biến vụ việc: Ngày 24/1/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 685/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để xây dựng công trình: Đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột- Đợt 14.

Ngày 24/1/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 697/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đông Tây, thành phố B (thu hồi diện tích 170,6m2 đất ở của ông Đinh Công Ty và ông Đinh Công H).

Ngày 27/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10565/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đông Tây, thành phố B (trong đó có ông Đinh Công T và ông Đinh Công H);

Ngày 30/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10975 QDUBND về việc giao cho ông Đinh Công T và ông Đinh Công H 01 thửa đất ở tại khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố B (thửa đất số 1866; tờ bản đồ số 17, diện tích 120m);

+ Quan điểm của UBND thành phố: Đối tượng sử dụng đất và thu hồi đất là ông Đinh Công T và ông Đinh Công H, vì vậy UBND thành phố ban hành Quyết định số 10975/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 về việc giao đất cho ông Đinh Công T và ông Đinh Công H là đúng đối tượng và theo quy định của pháp luật.

Vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trình bày:

Ngày 20/9/2022 Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (chi nhánh) có tiến nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất của ông T đối với thửa 1859, tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ khoản 1 Điều 99 Luật đất đai 2013 chi nhánh đã lập hồ sơ, phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của ông T chuyển Chi cục thuế thành phố B, ngày 20/3/2023 ông T nộp nghĩa vụ tài chính nên ngày 25/4/2023 UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp GCNQSDĐ số DI 816002, thửa đất 1859, tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 cho ông Đinh Công T là người đại diện của những người cùng sử dụng đất gồm ông Đinh Công H.

- Ông Đinh Công H trình bày:

Nguồn gốc, quá trình cấp và nhận thừa kế và thu hồi đất như người khởi kiện và UBND TP Buôn Ma Thuột trình bày là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T ông H thống nhất và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để giảm thuế cho gia đình ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Bà Nguyễn Thị X thống nhất như phần trình bày của ông Hàm.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho rằng: Thẩm phán và hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án;

Căn cứ Điều 2; Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 130; Điều 146; Điều 149 và Điều 157 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính.

Chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Công T. Tuyên hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với ông Đinh Công T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 06/10/2022, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT "*Thông báo nộp tiền sử dụng đất*" đối với ông T. Cho rằng thông báo trên là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp của mình, nên ngày 25/4/2023, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy thông báo trên là còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 21; theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố B, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đều có đơn xin vắng mặt nên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính, HĐXX tiến hành xét xử là phù hợp.

[3] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 24/02/2023, Chi cục Thuế thành phố B nhận được phiếu chuyển thông tin địa chính số 000.00.14.H15-220920-0232/PCTTĐC, kèm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Công T. Ngày 06/10/2022, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT "*Thông báo nộp tiền sử dụng đất*" đối với ông T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung

Ông Đinh Công T và gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số (Tày, Mường); nghề nghiệp làm nông, thuộc hộ nghèo. Sau khi bố ông là Đinh Công Th chết, có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 329, tờ bản đồ số 7, diện tích 140m^2 tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột cho ông và anh trai là Đinh Công H; để thực hiện dự án xây dựng Đại lộ Đông Tây, UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã thu hồi thửa đất trên; đồng thời giao cho ông T và ông H thửa số 1859 tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 và thửa số 166 tờ bản đồ số 17, diện tích 120m^2 tại thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ vào hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh Đ và Quyết định số 7468/QĐ-UBND của UBND Tp. B xác định ông T không thuộc trường hợp được xét giảm 50% tiền sử dụng đất. Ngày 06/10/2022, Chi cục Thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT "*Thông báo nộp tiền sử dụng đất*" đối với ông T với thửa số 1859 tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 với số tiền 907.200.000 đồng. Ông T có làm đơn xin miễn giảm tiền thuế nhưng đều không được chấp nhận. Để đảm bảo việc cấp GCNQSDĐ, ngày 20/3/2023 ông T đã thực hiện nộp tiền vào ngân sách Nhà nước. Ngày 25/4/2023 ông T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1859, tờ bản đồ số 17, diện tích 144m^2 tại thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột.

Nhận thấy, việc Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất trên đối với ông là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy thông báo trên.

HĐXX xét thấy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"b) Sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo; hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở; đất

ở cho người phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người";

Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

" 1. Giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất; công nhận (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với đất đang sử dụng hoặc khi được chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở sang đất ở.

Việc xác định hộ nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ. Tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính quy định";

Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

"1. Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo và không thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) lần đầu hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở sang đất ở thì được giảm 50% tiền sử dụng đất trung hạn mức giao đất ở. Hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được giảm tiền sử dụng đất phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất được cấp Giấy chứng nhận, được công nhận quyền sử dụng đất, được chuyển mục đích sử dụng đất".

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định:

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất thì chỉ được miễn hoặc giảm một lần trong trường hợp: Được Nhà nước giao đất để làm nhà ở hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang làm đất ở hoặc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở.

Như vậy, ông T vừa là đồng bào dân tộc thiểu số, vừa thuộc hộ nghèo, đối chiếu với các quy định trên thì ông T thuộc thuộc đối tượng giảm 50% tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Tại Công văn số 1031/UBDT-CSDT ngày 26/9/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc xác định hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nội dung: *"Hộ gia đình dân tộc thiểu số được xác định là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật"*. Ông T là thành viên trong hộ gia đình của ông Đinh Công H (anh trai ông T), ông Đinh Công H là chủ hộ, đồng

thời là người dân tộc thiểu số. Nên việc Chi cục thuế cho rằng ông T là các nhân, không thuộc trường hợp được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công T, tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố B; buộc Chi cục Thuế thành phố B xác định lại nghĩa vụ tài chính theo đối với ông Đinh Công T theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của UBND thành phố B và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B đều xác định việc thu hồi, cấp tái định cư và thủ tục cấp GCNQSDĐ là đúng quy định pháp luật dựa trên nghĩa vụ tài chính do đương sự nộp là phù hợp, người khởi kiện không có tranh chấp đối với nội dung này nên không xem xét.

[6] Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp 50% nhưng tại phiên tòa đã rút nội dung trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, bởi vì nội dung trên sẽ được Chi cục Thuế thành phố B giải quyết khi xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với ông Đinh Công T.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông Đinh Công T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 2; Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 130; Điều 146; Điều 149 và Điều 157 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 10; Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Công T.

Tuyên hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2260501 – TK 0101653/TB-CCT ngày 06/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố B. Buộc Chi

cục Thuế thành phố B xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với ông Đinh Công T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

- Chi cục Thuế thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Ông Đinh Công T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001938 ngày 09/5/2023.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH